

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HC-ST

Ngày: 30 tháng 10 năm 2017

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 24 – 30/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2017/TLST-HC ngày 08/6/2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HC ngày 07/9/2017, Thông báo dời lịch phiên tòa số 217/TB-TA ngày 19/9/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2017/QĐST-HC ngày 26/9/2017; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn A, xã K, huyện C, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông B – Luật sư Công ty C – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông E – Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông F – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện C, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – ông A; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư B trình bày:

UBND huyện C thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I: Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện C về việc “*thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện C*” (gọi tắt là Quyết định số 2040) thu hồi của ông A 1.900m² đất, Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện C thu hồi của ông A 24.391m²; thửa đất số 45, mảnh trích đo địa chính số 2, xã K. Tổng diện tích thu hồi: 26.291m².

Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C bồi thường cho hộ ông A 94.200.000đ.

Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện C hỗ trợ cho ông A 170.737.000đ.

Diện tích 24.391m² đất bị thu hồi, UBND huyện C xác định nguồn gốc: *do hộ ông L khai phá tháng 4/2004; đến năm 2011 sang nhượng lại cho ông N, sau đó ông N cho lại ông A sử dụng cho đến nay. Hiện được UBND xã K xác nhận đất sử dụng ổn định không tranh chấp.*

Như vậy, tháng 4/2004, nếu cho rằng ông L khai phá đất rừng nhưng UBND xã K hay Hạt kiểm lâm C không phản đối gì. Đất ông A không phải đất lấn chiếm sử dụng và không thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 14/9/2007, UBND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND về việc “*phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007-2015*” (gọi tắt là Quyết định số 241). Tuy nhiên, cho đến nay, việc tổ chức cắm mốc xác lập ranh giới đất lâm nghiệp và đất ngoài lâm nghiệp tại khu vực thực địa vẫn chưa được tiến hành. Ông A cũng như các hộ dân khác không biết ranh giới được cắm mốc nhằm phân định đất rừng và phần ngoài đất rừng.

Từ các nội dung trên, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*” (gọi tắt là Quyết định số 2030), hủy phần xác định đất ông A là lấn chiếm sử dụng.

2/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*” (gọi tắt là Quyết định số 2204), hủy phần xác định đất trồng cây hàng năm không đủ điều kiện bồi thường.

3/ Hủy Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*” (gọi tắt là Quyết định số 663).

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận diện tích 24.391m² đất bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường chứ không phải hỗ trợ, đồng thời tính toán lại tiền bồi thường cho ông A; ông A tự tính là 853.685.000đ. Yêu cầu khởi kiện này, ông A và Luật sư B xin rút lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện: “yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C xin lỗi ông A và những người có liên quan trong việc hứa thực hiện công việc trước ngày 15/7/2016 nhưng không thực hiện”. Ông A và Luật sư B trình bày yêu cầu này là không phù hợp, không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này.

Người bị kiện – UBND huyện C: đại diện theo pháp luật – ông E; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông F, trình bày:

Ông E tại bản trình bày ý kiến ngày 30/6/2017 và ngày 12/9/2017; ông F tại phiên tòa, trình bày:

UBND huyện C thu hồi 26.291m² đất hộ ông A đang sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I, gồm thửa đất số 45, mảnh trích đo địa chính số 2, xã K.

Theo hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND xã K (xác nhận ngày 24/8/2016), đất có nguồn gốc do hộ ông N khai phá đất thời điểm tháng 4/2004, qua quá trình mua bán, chuyển nhượng, ông A được cha mẹ tặng cho năm 2011.

Trên cơ sở xác định hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại Văn bản số 736/SNNPTNT-KH ngày 23/3/2017 của Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận xác định hộ ông A sử dụng thửa đất số 45 diện tích 24.391m² nằm trong quy hoạch rừng sản xuất.

Căn cứ kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận:

- *Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;*

- *Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.*

Từ những cơ sở trên, UBND huyện C xác định:

- Thửa đất số 45, mảnh trích đo địa chính số 2, diện tích 24.391m² đất *nằm trong* quy hoạch đất rừng, thời điểm sử dụng tháng 4/2004 không đủ điều kiện bồi thường, *được xét hỗ trợ bằng mức bồi thường đất*. Địa bàn xã K thuộc khu vực Trung du, đơn giá đất rừng sản xuất 7000đ/m² x diện tích đất thu hồi;

- Phần diện tích thu hồi còn lại thửa đất số 45, mảnh trích đo địa chính số 2, diện tích 1.900m² đất nằm ngoài quy hoạch đất rừng, thời điểm sử dụng tháng 4/2004 được UBND huyện C phê duyệt bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Việc ông A yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết

định hỗ trợ số 663 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C là không có cơ sở chấp nhận. UBND huyện C giữ nguyên các quyết định này.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận tại Thông báo số 181/TB-VPUB ngày 31/5/2017 chỉ đạo rà soát hồ sơ xác định nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất đối với các hộ có đất nằm trong quy hoạch đất rừng, có thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004 và đề xuất hướng giải quyết hài hòa, có lý có tình, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

Thửa đất thu hồi hộ ông A đang sử dụng có nguồn gốc, thời điểm sử dụng từ tháng 4/2004. UBND huyện C đã có báo cáo gửi Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất UBND tỉnh Ninh Thuận hướng giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của UBND huyện C là ông E vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C là ông F có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Người khởi kiện – ông A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư B giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông F yêu cầu Hội đồng xét xử bác các yêu cầu của người khởi kiện.

Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A; hủy Điều 1 Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, hủy Điều 1 Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và hủy Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày, ý kiến tranh luận của đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định:

Ông A khởi kiện Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh

Ninh Thuận là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và ông A được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc trường hợp: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”*.

[2] Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C bị khiếu kiện. Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016 của UBND huyện Ninh Sơn căn cứ Quyết định ủy quyền thu hồi đất số 222/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy đây là trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền thu hồi đất thuộc UBND huyện C. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định UBND tỉnh Ninh Thuận không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bị kiện theo khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Xét các yêu cầu khởi kiện của ông A:

[3] Về hình thức của Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

Dự án I được trung ương hỗ trợ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 21/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2040 thu hồi 1.900m² đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K, do hộ ông A đang canh tác, sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C.

Ngày 21/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2030 thu hồi 24.391m² đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, do hộ ông A đang canh tác, sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C.

Tổng diện tích đất bị thu hồi: **26.291m²**.

Ngày 30/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2204 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông A khi thu hồi đất số tiền 94.200.000đ.

Ngày 30/3/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 663 hỗ trợ cho hộ ông A khi thu hồi đất số tiền 170.737.000đ.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: **264.937.000đ**.

Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 75 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C bị khiếu kiện, được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung của Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

[4] - Đối với yêu cầu hủy Điều 1 Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016 của UBND huyện C.

Điều 1 Quyết định số 2030 có nội dung: Thu hồi 24.391m² đất của UBND xã K quản lý (do hộ ông A **lấn chiếm sử dụng**), thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, tại xã K, huyện C. UBND huyện C xác định 24.391m² đất này nằm trong quy hoạch đất rừng do UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ ông A lấn chiếm sử dụng. Ông A không đồng ý với nội dung này và khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Điều 1 Quyết định số 2030.

Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Theo Giấy xác nhận ngày 24/8/2016 của UBND xã K xác nhận: 24.391m² đất thuộc thửa số 45 có nguồn gốc do hộ ông N **“khai phá”** thời điểm tháng 4/2004 để sản xuất nông nghiệp; đến năm 2011 sang nhượng lại cho ông L (bố ông A); sau đó ông L tặng cho lại ông A sử dụng từ đó đến nay. Theo Báo cáo số 175/BC-UBND ngày 20/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc rà soát, xác minh lại nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của 06 dân trong đó có hộ ông A đã xác nhận: Đất có nguồn gốc hộ ông N tự khai phá để sản xuất từ tháng 4/2004 trực tiếp sử dụng đến năm 2011 thì sang nhượng lại cho ông L là cha ruột ông A, sau đó ông L cho lại ông A sử dụng đến nay. Đồng thời, xét thấy, quá trình sử dụng đất ông N sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính gì.

Tại Bản đồ hiện trạng đất trống, đồi núi trọc huyện C năm 1998 xác định khu đất hộ ông A đang sử dụng thuộc tiểu khu 88b, trên bản đồ được tô màu hồng theo chú thích là đất trống không có khả năng trồng rừng, nằm ngoài ranh giới đất thuộc quản lý của lâm trường, như vậy, từ năm 1998 khu vực này không phải là đất rừng.

Theo Công văn số 332/CCKL-QLBVRBTTN ngày 07/4/2016 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận (ban hành trước thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 2030 ngày 21/9/2016) xác định trong dự án có phần đất bãi vật liệu không phải đất rừng là 3.67ha. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ tại biên bản ngày 28/9/2017, Tòa án xét thấy, diện tích 24.391m² đất thuộc một phần thửa số 45 hộ ông A sử dụng là đất bãi vật liệu, không phải đất rừng.

Theo Kết luận số 3434/KL-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc “Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và đất lâm nghiệp đã điều chuyển đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn huyện Ninh Sơn” thì xã K không có hồ sơ quy hoạch 03 loại rừng, hiện tại hồ sơ lưu giữ tại UBND huyện C cũng bị thất lạc; phần ranh giới tiếp giáp với các huyện phía chân núi đa phần biến động mạnh, từ cột mốc ranh (chỉ có một số ít cột mốc) đến lưng chừng đồi núi toàn là rẫy của dân canh tác, rừng chỉ còn trên các sườn đồi núi đá (trang 5, 6 Kết luận số 3434/KL-UBND). Điều này phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017 của Tòa án. Đối chiếu hồ sơ với thực địa, diện tích 24.391m² đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ địa chính

số 2, xã K không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng như UBND huyện C khẳng định.

Theo Điều 1 Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, UBND huyện C khẳng định 24.391m² đất thuộc thửa số 45 là đất lấn chiếm nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 nhưng quyết định này được ban hành vào năm 2007, trong khi đó, diện tích 24.391m² đất có nguồn gốc khai phá từ năm 2004 – trước thời điểm ban hành Quyết định số 241. Tại Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 15/5/2017, Chủ tịch UBND huyện C đã thừa nhận nội dung này: *Xét thấy, các hộ (trong đó có hộ ông A) đã canh tác ổn định trước khi quy hoạch 03 loại rừng. UBND huyện kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cho chủ trương để UBND huyện thực hiện việc bồi thường đối với 06 hộ dân.*

Quyết định số 241 của UBND tỉnh Ninh Thuận về rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng được ban hành ngày 14/9/2007, tuy nhiên không kèm theo vị trí tọa độ cụ thể của từng tiểu khu quy hoạch là đất rừng và cho đến nay, trên thực tế vẫn chưa được cắm mốc, phân khu xác định rõ ranh giới rừng trên thực địa. Tại Báo cáo số 246/BC-CCLN ngày 14/10/2013 của Chi cục lâm nghiệp tỉnh Ninh Thuận có nêu Chi cục lâm nghiệp phối hợp tổ chức cùng các cơ quan hữu quan trong đó có UBND huyện C tiến hành đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để dễ dàng nhận biết ngoài thực địa. Tòa án đã tiến hành xác minh thực địa tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017, trong đó xác định thửa đất số 45, xã K nằm trên ranh giới rừng, được chia tách thành 02 phần theo bản đồ nhưng trên thực địa không có cột mốc, không có công trình, vật kiến trúc nào phân định ranh giới rừng. Việc cơ quan chuyên môn trình bày có đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để phân định ranh giới rừng nhưng khi Tòa án đi xem xét, thẩm định thực tế đều không thấy dấu vết các vết sơn này.

Từ các nội dung trên, xét thấy, Điều 1 Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016 của UBND huyện C có nội dung xác định 24.391m² đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K là đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng, do hộ ông A lấn chiếm sử dụng là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2030, hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*”, là có cơ sở chấp nhận.

[5] - Đối với yêu cầu hủy Điều 1 Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

Ngày 30/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2204 hỗ trợ tài sản cho hộ ông A khi thu hồi đất số tiền 94.200.000đ, trong đó, bồi thường diện tích 1.900m² đất trồng cây hằng năm; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Đối với diện tích 24.391m² đất UBND huyện C xác định là đất trồng cây hàng năm nằm trong quy hoạch 3 loại rừng nên không được bồi thường. Ông A không đồng ý với nội dung 24.391m² đất không đủ điều kiện bồi thường nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy phần này tại Điều 1 Quyết định số 2204.

Xét thấy, việc UBND huyện C xác định 24.391m² đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K nằm trong quy hoạch đất rừng do

UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ ông A lấn chiếm, sử dụng là không có căn cứ như đã phân tích trên.

Điều 82 Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;
3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;
4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.

Khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Diện tích 24.391m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, căn cứ vào các quy định trên, ông A không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Tại Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 15/5/2017 như đã trích dẫn trên, Chủ tịch UBND huyện C cũng đã nhận thấy việc không bồi thường về đất đối với hộ ông A là không đúng quy định nên đã xin chủ trương của UBND tỉnh Ninh Thuận để thực hiện việc bồi thường cho hộ ông A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2204, hủy cụm từ “đất trồng cây hàng năm (BHK), không đủ điều kiện bồi thường”, là có căn cứ chấp nhận.

[6] - Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 663 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C, tỉnh Ninh Thuận:

Quyết định số 663 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C hỗ trợ cho ông A 24.391m² đất nằm trong quy hoạch đất rừng số tiền 170.737.000đ. Ông A cho rằng 24.391m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng nên 24.391m² đất phải được bồi thường chứ không phải được hỗ trợ. Do đó, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 663 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C do có nội dung hỗ trợ 24.391m² đất bị thu hồi mà không bồi thường.

Xét thấy, UBND huyện C trình bày căn cứ Kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận có nội dung:

- *Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;*

- *Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.*

Việc UBND huyện C xác định 24.391m² đất bị thu hồi nằm trong quy hoạch rừng và chỉ được hỗ trợ với mức giá 7000đ/m² là không đúng quy định của pháp luật như đã phân tích trên. Diện tích 24.391m² đất do hộ ông A đang canh tác bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng và không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Quyết định số 663 ngày 30/3/2017 của UBND huyện C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] -Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải chấp thuận 24.391m² đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường và tính lại tiền bồi thường cho ông A; ông A tự tính là 853.685.000đ.

Tại phiên tòa, người khởi kiện A và Luật sư B đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[8] - Đối với yêu cầu khởi kiện: “yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C xin lỗi ông A và những người có liên quan trong việc hứa thực hiện công việc trước ngày 15/7/2016 nhưng không thực hiện”. Xét thấy, đây không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, tại các phiên đối thoại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông A và Luật sư B cũng đề nghị rút yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Từ các nội dung trên, xét thấy, Quyết định số 2030 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2204 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 663 ngày 30/3/2017, của UBND huyện C được ban hành đúng hình thức về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, tuy nhiên nội dung chưa đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2030, hủy Điều 1 Quyết định số 2204 và hủy Quyết định số 663, của UBND huyện C là có cơ sở chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C về việc bác các yêu cầu khởi kiện của ông A.

[10] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông A không phải chịu án phí. UBND huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, tuyên:

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”; hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*”;

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”; hủy cụm từ “*đất trồng cây hàng năm (BHK), không đủ điều kiện bồi thường*”;

- Hủy Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện C*”.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận bồi thường cho hộ ông A diện tích 24.391m² đất thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K, huyện C, tỉnh Ninh Thuận theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền phô tô tài liệu (phô tô các loại bản đồ) để lưu hồ sơ. Ông A đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) này. Ủy ban nhân dân huyện C hoàn trả cho ông A số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp thay.

Hoàn trả cho ông A 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012250 ngày 08/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười

lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ngày tuyên án 30/10/2017./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV – THA;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Các đương sự; Người đại diện;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Lập